

Số: /BC-UBND

Đắk Glei, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác trẻ em 6 tháng đầu năm năm 2024
trên địa bàn huyện Đắk Glei

Thực hiện Công văn số 987/SLĐTBXH-TEBĐGPCTNXH ngày 12 tháng 5 năm 2024 của Sở Lao động-TB&XH tỉnh về việc đề nghị báo cáo kết quả thực hiện công tác trẻ em 6 tháng đầu năm và kết quả thực hiện Tháng hành động vì trẻ em năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Glei.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei, báo cáo kết quả thực hiện công tác trẻ em 6 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Glei, cụ thể như sau:

I. Đặc điểm tình hình.

1. Tình hình kinh tế, xã hội: Huyện Đắk Glei nằm ở phía Bắc tỉnh Kon Tum, là huyện miền núi, biên giới (có 119,726 km biên giới giáp với nước CHDCND Lào). Với diện tích tự nhiên 149.364,4 ha. Toàn huyện có 12 xã, thị trấn (trong đó có 3 xã biên giới), có 09 xã khu vực III và 03 xã khu vực I, với tổng số 93 thôn làng. Dân số toàn huyện 52.575 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 87,3% dân số, chủ yếu là dân tộc Giê-Triêng và Xê Đăng. Tổng số hộ nghèo chung: 1.457 hộ, chiếm tỷ lệ 10,9% so với tổng số hộ dân toàn huyện.

2. Tình hình trẻ em và thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em

a) Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt

- Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: 338
- Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt: 3.257
- Thực hiện chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: 257

b) Thực trạng trẻ em bị xâm hại tình dục

- Tổng số trẻ em bị xâm hại tình dục: 0.
- Việc xử lý các đối tượng có hành vi xâm hại trẻ em: 0

c) Thực trạng trẻ em bị tai nạn thương tích

Tổng số trẻ em bị tai nạn thương tích: 02¹.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẺ EM

¹ Từ vong do đuối nước tại 02 xã: Đắk Môn, Đắk Choong (1 nam, 1 nữ).

1. Công tác chỉ đạo điều hành

a) Thực hiện lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, phát huy nguồn lực của địa phương, gắn với nguồn vốn thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia² năm 2024, nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tác động tích cực đến các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm 2024 và giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn huyện.

b) Triển khai thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội khóa 14 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp đảm bảo quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em

Căn cứ các văn bản đã ban hành³, UBND huyện tiếp tục ban hành các văn bản để chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em và tăng cường các giải pháp đảm bảo quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em trong năm 2024.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

2. Công tác phối hợp liên ngành trong đảm bảo thực hiện quyền trẻ em:

- Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị là thành viên Ban Điều hành bảo vệ trẻ em huyện, căn cứ chức năng, nhiệm vụ lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vào chương trình, kế hoạch của từng địa phương, đơn vị, đảm bảo thực hiện các quyền trẻ em theo quy định pháp luật.

- Các phòng, ban, ngành đoàn thể huyện phối hợp với Trung tâm Y tế huyện: Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển tại các trường học trên địa bàn; Tổ chức lồng ghép nội dung truyền thông về dinh dưỡng hợp lý vào các buổi sinh hoạt thôn.

3. Công tác truyền thông về bảo vệ, chăm sóc trẻ em: Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đã chủ động thực hiện công tác truyền thông theo chức năng của từng ngành, lĩnh vực, cụ thể:

² Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi đặc biệt khó khăn.

³ Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 12/7/2020 của về việc triển khai công tác phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em, thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em trên địa bàn huyện Đăk Glei giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 15/7/2021 về việc triển khai chương trình hành động quốc gia vì Trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei về triển khai thực hiện công tác trẻ em trên địa bàn huyện năm 2022. Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 17/5/2024 của ủy ban nhân dân huyện về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì trẻ em năm 2024 trên địa bàn huyện Đăk Glei; Kế hoạch số 114/KH-UBND, ngày 15/4/2024 của UBND huyện về triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em trên địa bàn huyện năm 2024; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe tâm thần trẻ em, chăm sóc trẻ em mồ côi giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn huyện Đăk Glei.

- Chi đạo Phòng Lao động - TB&XH huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, các đơn vị trường học trực thuộc tổ chức các đợt tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích; đuối nước và xâm hại trẻ em trên địa bàn huyện năm 2024 nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về thực hiện Luật Trẻ em năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trẻ em; tập huấn các kỹ năng cơ bản về phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em và các kỹ năng về phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, tai nạn giao thông; về hỗ trợ, bảo vệ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo an toàn trên không gian mạng.

- Trung tâm Y tế huyện đã chỉ đạo Trạm Y tế các xã, thị trấn, Phòng khám Đa khoa khu vực tổ chức các hoạt động truyền thông bằng nhiều hình thức thiết thực và hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế với các nội dung thông điệp và khẩu hiệu truyền thông. Thực hiện truyền thông tư vấn về dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời lồng ghép trong chăm sóc bà mẹ mang thai trước, trong và sau sinh; tác dụng, lợi ích, đối tượng, lịch tiêm chủng vắc xin cho trẻ em dưới 5 tuổi. Kết hợp truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe giới tính của vị thành niên, thanh niên. Tác hại của việc kết hôn trước tuổi đối với trẻ em vị thành niên.

- Ủy ban Mặt trận các cấp và các tổ chức Chính trị - Xã hội đã tích cực phối hợp với các tổ chức thành viên cùng cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác trẻ em⁽⁴⁾; về công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em..., thông qua các buổi sinh hoạt cộng đồng, họp khu dân cư...

4. Công tác tổ chức, cán bộ và nâng cao năng lực quản lý, thực hiện quyền trẻ em

a) Công tác tổ chức và nhân lực làm công tác trẻ em

- Cấp huyện: Trên cơ sở Luật trẻ em và các văn bản hướng dẫn, UBND huyện cử đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách khối Văn hóa – Xã hội làm trưởng Ban Điều hành; Phòng Lao động -TB&XH cử 01 đồng chí Trưởng phòng làm Phó Ban Thường trực và đồng chí phó Trưởng phòng làm Phó ban, trực tiếp phụ trách lĩnh vực trẻ em; đồng thời cử 16 đồng chí là đại diện lãnh đạo các phòng ban ngành huyện, 12 Chủ tịch UBND các xã, thị trấn làm thành viên.

- Cấp xã: UBND huyện chỉ đạo 12 xã, thị trấn thành lập Ban Bảo vệ trẻ em, trong đó đồng chí Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban.

- Tại thôn, làng: Nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cơ sở trên cơ sở Quyết định Ban Bảo vệ trẻ em đã bố trí đồng chí Bí thư kiêm trưởng thôn làm thành viên,

⁴ Như: Luật Trẻ em năm 2016, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em, Nghị định quy định môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh, phòng chống bạo lực học đường; các văn bản của Ban chỉ đạo Chương trình hành động Vì trẻ em của tỉnh theo chủ đề Tháng hành động vì trẻ em năm 2023: “Chung tay đảm bảo thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh”...

đồng thời là cộng tác viên trẻ em tại thôn, làng; tùy theo tình hình thực tế có nhiều thôn, làng bố trí thêm những người có uy tín, tâm huyết làm cộng tác viên trẻ em.

b) Công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em các cấp: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các Sở, ban, ngành đăng ký, tham gia các lớp tập huấn được tổ chức tại tỉnh, phù hợp với nhu cầu, nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ trong hệ thống bảo vệ trẻ em và năng lực, kỹ năng cho trẻ em đặc biệt là trẻ em Hội đồng đội trẻ em, trẻ em câu lạc bộ thủ lĩnh,...

c) Hệ thống Ban Điều hành, Ban Bảo vệ trẻ em, các mô hình trẻ em: Thường xuyên chỉ đạo các đồng chí là thành viên Ban Điều hành cấp huyện, Ban Bảo vệ trẻ em cấp xã nêu cao vai trò, trách nhiệm, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, lồng ghép nguồn lực thông qua 3 Chương trình MTQG và nguồn kinh phí khác để thực hiện tốt, có hiệu quả các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra.

d) Xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Kết quả triển khai thực hiện có 05/12 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em đạt 41,6%; các xã, thị trấn đăng ký xã, thị trấn phù hợp với trẻ em và tiếp tục theo dõi thang điểm quy định các tiêu chí về xây dựng xã, thị trấn phù hợp với trẻ em, cuối năm thứ 2 và thứ 4 của nhiệm kỳ giai đoạn 5 năm, hoàn thành các thủ tục chấm điểm, đánh giá và công nhận mới các xã, thị trấn phù hợp với trẻ em theo quy trình quy định và duy trì các xã, thị trấn đã đạt được phù hợp với trẻ em qua các năm.

Năm 2024 triển khai đánh giá năm thứ 4 của giai đoạn 5 năm đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em vào tháng 11/2024.

5. Ngân sách thực hiện công tác trẻ em: Năm 2024 kinh phí được giao sử dụng là **150.000.000** đồng để thực hiện công tác trẻ em.

Tổng kinh phí đã thực hiện đến thời điểm hiện tại là: **20.000.000** đồng; Trong đó: Thực hiện tổ chức tháng hành động vì trẻ em năm 2024 là **20.000.000** đồng. Kinh phí còn lại **130.000.000** đồng, hiện đang thực hiện các hoạt động giải ngân.

6. Công tác vận động xã hội hóa và hợp tác quốc tế thực hiện quyền trẻ em (Dự án, Quỹ BTTE)...

- Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện: Tồn quỹ năm 2023 chuyển sang với tổng số tiền **33.788.761** đồng; Nhân tháng hành động vì trẻ em năm 2024, kêu gọi các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân ủng hộ với tổng số tiền **10.130.000** đồng; chi hoạt động thăm hỏi, tặng quà trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn với tổng số tiền **4.500.000** đồng tại Lễ phát động⁵ và chi hỗ trợ cho gia đình có trẻ em do đuối nước

⁵. Đã xuất kinh phí nguồn Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện với số tiền 5.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu đồng): hỗ trợ 01 trường hợp trẻ em bị tai nạn tử vong tại xã Đăk Choong (Năm trăm ngàn đồng) và trao 15 suất quà cho 15 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại Lễ phát động nhân Tháng hành động vì trẻ em năm 2024 mỗi suất trị giá 300.000 đồng.

500.000 đồng trên địa bàn xã Đăk Choong; đến nay còn tồn quỹ với tổng số tiền **38.918.761** triệu đồng.

- Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam: Đã tặng 01 suất học bổng trị giá **5.000.000** triệu đồng của Chương trình “*Thắp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam*” cho 01 học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn có thành tích tập khá, giỏi năm học 2023-2024.

7. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em

a) Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Hàng năm, qua công tác kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, UBND huyện đã kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu về trẻ em, giáo dục,... qua kiểm tra chưa phát hiện có vấn đề nổi cộm. Ngoài ra, các đơn vị phối hợp tự kiểm tra, đánh giá các mục tiêu về y tế, giáo dục, nước sạch vệ sinh môi trường, mục tiêu vui chơi giải trí thông qua các đoàn kiểm tra thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới.

- Các đơn vị, ban, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo có báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu vì trẻ em tại ngành mình; UBND các xã, thị trấn có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện về phòng Lao động - TBXH để tổng hợp chung, tham mưu Ban chỉ đạo báo cáo kịp thời về Sở Lao động-TBXH và UBND tỉnh theo qui định.

b) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em: Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn⁶, UBND các xã, thị trấn sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý trẻ em để cập nhật thông tin số liệu. Cập nhật, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu trẻ em thực hiện Đề án 06: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em từ xã đến huyện, báo cáo định kỳ, đột xuất theo lĩnh vực quản lý về tình theo quy định.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VỀ TRẺ EM

1. Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em

a) Phát triển toàn diện trẻ em

- Chỉ tiêu 1 - Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em: Chưa đến thời gian đánh giá (*tháng 11/2024 đánh giá năm thứ 4 của giai đoạn*).

- Chỉ tiêu 2 - Tỷ lệ trẻ em đến 08 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện: **89,0%**.

b) Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em

- Chỉ tiêu 3 - Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 05 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống: **24,0%**.

⁽⁶⁾ Phòng Tư Pháp, Phòng Giáo dục và Đào tạo; Công an huyện, Trung tâm Y tế huyện, Phòng Lao động -TB&XH.

+ Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống: hiện chưa ghi nhận trường hợp là trẻ sơ sinh tử vong.

+ Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống: **6,8%**.

+ Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 05 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống: **17%**.

- Chỉ tiêu 4 - Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi:

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD thể thấp còi (chiều cao/tuổi) ở mức **24,5%**.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (cân nặng/tuổi) ở mức **13,8%**.

- Chỉ tiêu 5 - Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin; trẻ em dưới 05 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin: đạt **5,2%**.

- Chỉ tiêu 6 - Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con: Trong 6 tháng đầu năm 2024 chưa ghi nhận trường hợp nhiễm HIV từ mẹ sang con.

- Chỉ tiêu 7 - Tỷ lệ cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh đạt yêu cầu: đạt **100%**.

2. Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em:

- Chỉ tiêu 8 - Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em **xuống 1,9%**; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp đạt **90,0%**.

- Chỉ tiêu 9 - Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em **0,03%**.

- Chỉ tiêu 10 - Lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi trên địa bàn huyện trái quy định của pháp luật: (không phát sinh).

- Chỉ tiêu 11 - Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích dưới **1%**; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích dưới **1%**.

- Chỉ tiêu 12 - Tỷ lệ trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời: không phát sinh.

- Chỉ tiêu 13 - Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, **duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn 2-3%**: Chưa phát hiện trường hợp tảo hôn.

- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi được đăng ký khai sinh đạt **100%**.

3. Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em.

a) Mục tiêu Giáo dục:

- Chỉ tiêu 15 - Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt **54,3%**.

- Chỉ tiêu 16 - Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt **15,8%**.

- Chỉ tiêu 17- Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt **97,2%**; giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới **0,12%**.

- Chỉ tiêu 18 - Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt **99,3%**; giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới **1,5%**.

- Chỉ tiêu 19 - Trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em đạt **61,3%**.

- Chỉ tiêu 20 - Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt **100%**; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt **100%**.

b) Mục tiêu Văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em:

- Chỉ tiêu 21 - Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi trong trường học dành cho trẻ em đạt **38%**.

4. Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em:

- Chỉ tiêu 22 - Tỷ lệ trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp đạt **28,0%**.

- Chỉ tiêu 23 - Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em đạt **82,0%**.

- Chỉ tiêu 24 - Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt **28,0%**.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Ưu điểm:

- Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội ổn định và phát triển, đã tác động tích cực đến việc chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Công tác chăm lo cho trẻ em đã được các cấp ủy Đảng, Chính quyền quan tâm, chú trọng. Nhận thức được rằng, công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về trẻ em là công tác quan trọng cần triển khai, thực hiện thường xuyên, trên cơ sở đó căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các cơ quan, ban, ngành đã phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với hình thức và đối tượng truyền thông đa dạng, thiết thực, hiệu quả, từng bước đưa Luật bảo vệ trẻ em áp dụng vào đời sống.

- Được sự quan tâm, chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, sự phối hợp đồng bộ của các ban, ngành đoàn thể trên địa bàn huyện trong triển khai, và tổ chức hiệu quả các hoạt động quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề của trẻ em; nhiều trẻ em khó khăn được các tổ chức, cá nhân quan tâm nhận đỡ đầu, chăm sóc, nhằm hạn chế trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- Sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể các cấp trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức kinh tế - xã hội, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện tham gia xây dựng, bảo tồn các thiết chế văn hóa và khu vui chơi dành cho trẻ em.

- Các mô hình, câu lạc bộ, nhóm trẻ em nòng cốt ngày càng hoạt động có chất lượng, hiệu quả, công tác truyền thông được tăng cường; đối tượng trẻ em có

hoàn cảnh khó khăn ngày càng được quan tâm.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Huyện chưa có Nhà văn hóa thiếu nhi và các khu vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em mà các khu vui chơi chủ yếu nằm trong các thiết chế văn hóa công cộng phục vụ cho hoạt động vui chơi giải trí của toàn dân.

- Kinh phí đầu tư phục vụ cho sự nghiệp văn hóa cơ sở chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế về phát triển thiết chế văn hóa cơ sở.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:

- Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn, chi ngân sách địa phương chủ yếu do ngân sách cấp trên cân đối và chi có mục tiêu; kinh phí ngân sách nhà nước giao hàng năm cho sự nghiệp văn hóa, giáo dục, trong đó kinh phí đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng còn thấp, dàn trải; do đó không đáp ứng yêu cầu đầu tư tập trung và đồng bộ.

- Tác động của mặt trái cơ chế thị trường, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, văn hóa phẩm có nội dung xấu, lối sống thực dụng, buông thả, sự phân hóa giàu nghèo, đời sống của người dân còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến trẻ em trên địa bàn.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI.

1. Tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030, Chương trình Chăm sóc sức khỏe tâm thần trẻ em, chăm sóc trẻ em mồ côi giai đoạn 2023-2030 gắn với 3 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện.

2. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên phương tiện thông tin đại chúng; đặc biệt là công tác phòng, ngừa tai nạn thương tích, phòng chống lạm dụng, xâm hại, bạo lực đối với trẻ em.

3. Sử dụng có hiệu quả các giải pháp can thiệp, truyền thông dinh dưỡng và các hoạt động phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em tại cộng đồng.

4. Thường xuyên tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, vui chơi, thể dục thể thao và các hoạt động chăm sóc trẻ em nhân các ngày lễ, tết, tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi để trẻ em chủ động tham gia vào các hoạt động chăm sóc và giáo dục.

5. Huy động nguồn lực từ các tổ chức, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, cả cộng đồng cùng chăm lo sự nghiệp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, nhất là chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em trong các gia đình nghèo.

6. Tăng cường công tác phối hợp với các ban, ngành có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề của trẻ em.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Luật bảo vệ trẻ em; các kiến thức về định kiến giới; công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; công tác phòng chống đuối nước cho trẻ em.

8. Nâng cao nhận thức, giáo dục kiến thức, kỹ năng cho gia đình, cộng đồng

và nhà trường về bảo vệ trẻ em trên cơ sở tôn trọng và thực hiện đầy đủ các quyền của trẻ em.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: không.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Thường trực UBMT TQVN huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng LĐ-TB&XH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Sum

Phụ lục 01
TỔNG HỢP VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei)

TT	Tên loại và ký hiệu văn bản
I	Văn bản của Huyện ủy
1	Kế hoạch số 213-KH/HU ngày 22-4-2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 25-12-2023 của Bộ Chính trị “về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”
II	Văn bản Ủy ban nhân dân huyện
1	Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe tâm thần trẻ em, chăm sóc trẻ em mồ côi giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn huyện Đắk Glei
2	Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024
3	Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 17/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì trẻ em năm 2024 trên địa bàn huyện
4	Công văn số 538/UBND-LĐTĐXH ngày tăng cường 20/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống tai nạn thương tích và tai nạn đuối nước cho trẻ em trên địa bàn huyện.
5	Công văn số 1069/UBND-LĐTĐXH ngày tăng cường 14/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống tai nạn thương tích và tai nạn đuối nước cho trẻ em trên địa bàn huyện (lần 2).

Phụ lục 02
THÔNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei)

TT	Nội dung Mục tiêu/Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giao thực hiện năm 2024 ⁽¹⁾	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Ghi chú
I	Dân số trẻ em				
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người		16.643	Chi cục Thống kê khu vực Đắk Glei - Ngọc Hồi
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16/tổng dân số	%		31,6	
2	Tổng số trẻ em dưới 6 tuổi	Người		6.491	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%		12,3	
3	Số người chưa TN từ 16 đến <18 tuổi	Người		4.804	
	Tỷ lệ người CTN 16-<18/tổng dân số	%		9,1	
4	Tổng số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT/tổng số trẻ em dưới 6 tuổi	Người		6.507	BHXH
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT/tổng số trẻ em dưới 6 tuổi	%	-	100	
II	Mục tiêu về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em				

¹ Theo Kế hoạch số 114/KH-UBND, ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Glei.

Chỉ tiêu 1	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã	8	Chưa đánh giá	LĐTBXH
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%			
Chỉ tiêu 2	Số trẻ em đến 08 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện	Người			LĐTBXH
	Tỷ lệ trẻ em đến 08 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện	%	89,0	45,0	
Chỉ tiêu 3	Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	24,0	24,0	
	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 01 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	<35	6,8	
	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 05 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	<56	17	
Chỉ tiêu 4	Tổng số trẻ sinh ra trong năm	Người	890	445	Y tế
	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi SDD thể cân nặng theo tuổi	%	14,0	13,8	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi SDD thể chiều cao theo tuổi	%	24,4	24,5	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi SDD thể béo phì theo tuổi, trong đó:	%		0	
	- Khu vực nông thôn	%			

	- Khu vực thành thị	%			
Chỉ tiêu 5	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	97	3,2	Y tế
	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%	97	25,2	
Chỉ tiêu 6	Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con	%	<1	Đến thời điểm hiện tại chưa phát hiện	
Chỉ tiêu 7	Tỷ lệ cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh đạt yêu cầu	%	100	100	
III	Mục tiêu về bảo vệ trẻ em				
Chỉ tiêu 8	Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	%	3,2	3,2	LĐTBXH
	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em	%	3,2	3,2	
	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	%	90,0	90,0	
Chỉ tiêu 9	Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 0,04% (2022: 0,003%)	%	0,03	0	Công an
	Tổng số trẻ em bị xâm hại tình dục (Trong đó)	Người	0	0	
	- Hiếp dâm	Người			
	- Giao cấu	Người			
	- Dâm ô	Người			
	Tổng số trẻ em bị bạo lực	Người	0	0	

	Tổng số trẻ em nghiện chất ma túy	Người			
	Tổng số trẻ em vi phạm pháp luật (Trong đó)	Người	0	0	
	- Xử lý hành chính	Người			
	- Xử lý hình sự	Người			
	Trẻ em bị mua bán, bắt cóc	Người	0	0	
Chỉ tiêu 10	Số lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 05 đến 17 tuổi, trái quy định của pháp luật	Người	0	0	
Chỉ tiêu 11	Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 513/100.000 Giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 16,5/100.000	%o	512/100.000 16,4/100.000		LĐTBXH
	Tổng số trẻ em bị tai nạn thương tích	Người	0	2	
	Tỷ lệ trẻ em bị tai nạn thương tích	%	0	0,01	
	Số trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích (Trong đó:)	Người	0		
	- Tử vong do đuối nước	Người	0	2	
	- Tử vong do tai nạn giao thông	Người	0	0	LĐTBXH
	- Tử vong khác... (ghi rõ: 01 điện giật, 01 đất vùi lấp)	Người	0	0	

Chỉ tiêu 12	Tổng số trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời	%	0	0	
Chỉ tiêu 13	Tỷ lệ trẻ em tảo hôn	%	0	0	Phòng Dân tộc
	- Trong đó hôn nhân cận huyết thống	Người	0	0	
Chỉ tiêu 14	Tổng số trẻ em dưới 05 tuổi được đăng ký khai sinh	Người		445	Phòng Tư Pháp
	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi được đăng ký khai sinh	%	98,5	98,5	
IV	Mục tiêu về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em				
Chỉ tiêu 15	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội	%	98,0	54,3	Phòng GD&ĐT
Chỉ tiêu 16	Tỷ lệ huy động trẻ em dưới 03 tuổi đi nhà trẻ	%	95,0	15,8	
	Tỷ lệ huy động trẻ em 03-05 tuổi đi học mẫu giáo	%	95,0	97,2	
Chỉ tiêu 17	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học	%	99,3	99,75	
	Tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học	%	0,20	0,12	
Chỉ tiêu 18	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở	%	88,0	99,3	
	Tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở	%	0,50	1,45	

	Tổng số trường học đạt an toàn phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em	Trường		31	
	Tỷ lệ trường học đạt an toàn phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em	%	100	100	
Chỉ tiêu 19	Tỷ lệ trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em	%	95,0	61,3	
Chỉ tiêu 20	Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật	%	52,0	100	GD&ĐT
	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp	%	78,0	100	
Chỉ tiêu 21	Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 35%.	%	38,0	38,0	Trung tâm VH-TTDL&T T
	Tổng số điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em (Trong đó)	Điểm	5		
	- Cấp tỉnh quản lý	Điểm	-		
	- Cấp huyện quản lý	Điểm	05	05	
	- Cấp xã (trường học) quản lý	Điểm	228	228	
	Thư viện phòng đọc	Điểm	36	36	
	Tủ sách	Tủ	41	41	
Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng	Điểm	93	93		

	Nhà rộng sinh hoạt cộng đồng	Điểm	85	85	
V	Mục tiêu về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em				
Chỉ tiêu 22	Tổng số trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp.	Người		5.696	Huyện đoàn, phối hợp Phòng GD&ĐT, các xã, thị trấn
Chỉ tiêu 23	Tổng số trẻ em 11 tuổi trở lên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em	Người		6.003	
Chỉ tiêu 24	Tổng số trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các Mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em	Người		6.003	

Phụ lục 3

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11

THÔNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Đắk Glei)

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Dân số trẻ em	16.643							
1	Trẻ em dưới 16 tuổi								
	Trong đó:								
1.1	Nam	7.634							
1.2	Nữ	9.009							
1.3	Dân tộc:								
	- Dân tộc Kinh	1.482							
	- Dân tộc khác	15.161							
II	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	338	76	257	237	190	59	9	26
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:		338	76	257	237	190	59	9	26
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	57	100	57	57	57	-	-	-
1.1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc								
1.2	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
1.3	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích								
1.4	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi								
2	Trẻ em bị bỏ rơi	-							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
2.1	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
2.2	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								
3	Trẻ em không nơi nương tựa	-							
3.1	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật								
3.2	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng								
3.3	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.4	Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật								
3.5	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội								
3.6	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.7	Trẻ em có cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em								
3.8	Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội								
3.9	Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
3.10	Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.11	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em								
3.12	Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật								
3.13	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích								
3.14	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích								
3.15	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE								
4	Trẻ em khuyết tật	231	72	167	114	155	73	8	-
4.1	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng	44	91	40	25	36	7	-	-
4.2	Trẻ em khuyết tật nặng	90	100	90	67	84	28	8	-
4.3	Trẻ em khuyết tật nhẹ	97	38	37	22	35	38	-	-
4.4	Các dạng tật								
	- Trẻ em khuyết tật vận động								
	- Trẻ em khuyết tật nghe, nói								
	- Trẻ em khuyết tật nhìn								
	- Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần								
	- Trẻ em khuyết tật trí tuệ								
	- Trẻ em khuyết tật khác								
	+ Trong đó: trẻ em tự kỷ								
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
5.1	Sống với cha mẹ, người thân thích								
5.2	Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
6	Trẻ em vi phạm pháp luật	-							
6.1	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
6.2	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
6.3	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo								
7	Trẻ em nghiện ma túy	-							
7.1	Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện								
7.2	Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng								
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở	-							
8.1	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
8.2	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc								
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực		-						
10	Trẻ em bị bóc lột		-						
10.1	Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động								
10.2	Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm								
10.3	Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục								
10.4	Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác								
10.5	Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật								
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục		-						
11.1	Trẻ em bị hiếp dâm								
11.2	Trẻ em bị cưỡng dâm								
11.3	Trẻ em bị giao cấu								
11.4	Trẻ em bị dâm ô								
11.5	Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức								
12	Trẻ em bị mua bán								
12.1	Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
12.2	Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	-							
13.1	Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền								
13.2	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày								
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc	-							
14.1	Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								
14.2	Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc								
14.3	Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam								
III	Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt	3.257	100	3.257		3.257	3.257		
Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại									
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo	3.257	100	3.257		3.257	3.257		
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo	1.812	100	1.812		1.812	1.812		
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS)								
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS, nghiện ma túy)								
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
IV	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác	424	100	424	-	-	-	-	-
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:		1	100	1	-	1	0	0	0
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
	- Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích	2	0	-	-	-	0	0	0
	+ Trong đó: số trẻ em tử vong do đuối nước	2	50	1	-	1	0	0	0